

Phụ lục V
ĐỊNH MỨC CHO HOẠT ĐỘNG TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH VÙNG
(Kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Định mức cho hoạt động trực tiếp của quy hoạch vùng (C_{pv}) được xác định như sau:

$$C_{pv} = C_{vcs} \times H_{1v} \times H_{2v} \times H_{3v} \times K_1$$

Trong đó:

C_{vcs} : Định mức cho hoạt động trực tiếp cho lập quy hoạch vùng cơ sở quy định tại Phụ lục VI của Thông tư này.

Tham số của vùng cơ sở: quy mô dân số (P_{vcs}) là 16.890.000 người; diện tích (S_{vcs}) là 55.220 km²; tổng sản phẩm trên địa bàn ($GRDP_{vcs}$) là 1.925.000 tỷ đồng (giá hiện hành).

$$H_{1v}: \text{Hệ số quy mô dân số vùng} = \frac{\log(\text{Quy mô dân số vùng})}{\log(P_{vcs})}$$

$$H_{2v}: \text{Hệ số quy mô diện tích vùng} = \frac{\log(\text{Quy mô diện tích vùng})}{\log(S_{vcs})}$$

$$H_{3v}: \text{Hệ số quy mô kinh tế vùng} = \frac{\log(\text{Tổng sản phẩm trên địa bàn vùng})}{\log(GRDP_{vcs})}$$

Lưu ý: Quy mô dân số vùng là dân số trung bình, trước thời điểm lập quy hoạch do Cục Thống kê phát hành trong thời gian gần nhất; đơn vị tính dân số vùng là nghìn người (1.000 người); đơn vị tính diện tích vùng là km²; đơn vị tính tổng sản phẩm là tỷ đồng.

K_1 : Hệ số địa bàn của vùng được quy định như sau:

$K_1 = 1,5$ đối với địa bàn vùng có thành phố là đô thị đặc biệt.

$K_1 = 1,0$ đối với địa bàn các vùng còn lại.

II. HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công thực hiện, vùng cơ sở	Hệ số K (*) áp dụng đối với vùng được lập quy hoạch	Ngày công thực hiện theo từng vùng được lập quy hoạch
1	Định mức cho hoạt động 1	CG	B_1	K	$B_1 \times K$
...					
n	Định mức cho hoạt động n	CG	B_n	K	$B_n \times K$

(*) Hệ số $K = H_{1v} \times H_{2v} \times H_{3v} \times K_1$.

Phụ lục VI
ĐỊNH MỨC CHO HOẠT ĐỘNG TRỰC TIẾP LẬP
QUY HOẠCH VÙNG CƠ SỞ

*(Kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin, dữ liệu liên quan phục vụ lập quy hoạch		
a	Thu thập tài liệu, số liệu ban đầu	CG2	128
b	Điều tra, khảo sát thu thập thông tin nội tại của vùng		
b.1	Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu, dữ liệu	CG2	83
b.2	Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu, dữ liệu về không gian	CG2	83
b.3	Xử lý, tổng hợp số liệu, dữ liệu (phân nhóm số liệu, dữ liệu)	CG2	60
c	Thu thập và xử lý thông tin bên ngoài, cấp trên tác động đến lãnh thổ		
c.1	Thu thập thông tin, đánh giá bối cảnh và các yếu tố không gian tác động trực tiếp có tác động chủ yếu đến vùng: Kết nối giao thông, kết nối lưu vực sông, kết nối các hành lang kinh tế	CG3	50
c.2	Thu thập thông tin, đánh giá bối cảnh và các yếu tố về điều ước quốc tế, thể chế, chính sách, thị trường tác động đến quá trình phát triển của vùng	CG3	50
c.3	Thu thập thông tin, đánh giá các yếu tố chủ yếu về biến đổi khí hậu tác động đến vùng	CG3	50
c.4	Kiểm chứng, đánh giá mức độ tin cậy của nguồn thông tin	CG2	28
d	Thu thập tài liệu, số liệu bổ sung theo các ngành, lĩnh vực	CG2	90
đ	Xử lý, tổng hợp các thông tin, tài liệu, dữ liệu theo từng đầu mục nội dung		
đ.1	Xử lý tổng hợp các thông tin và phản hồi các	CG2	130

	thông tin được cung cấp từ các ngành		
đ.2	Xử lý tổng hợp thông tin về hiện trạng không gian	CG2	90
đ.3	Xử lý thông tin hiện trạng sử dụng tài nguyên	CG2	90
đ.4	Xử lý thông tin về hiện trạng dân số, lao động- việc làm, y tế, giáo dục, văn hóa	CG2	90
đ.5	Xử lý thông tin về hiện trạng môi trường	CG2	90
đ.6	Xử lý thông tin về hiện trạng về kinh tế	CG2	90
đ.7	Xử lý thông tin về hiện trạng phát triển đô thị và nông thôn	CG2	90
đ.8	Xử lý thông tin về hiện trạng phát triển các khu chức năng tổng hợp	CG2	90
đ.9	Xử lý thông tin về hiện trạng hạ tầng kỹ thuật	CG2	90
đ.10	Xử lý thông tin về hiện trạng hạ tầng xã hội	CG2	90
2	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng phát triển vùng; phân tích dự báo nguồn lực đặc thù của vùng, xu thế phát triển trong nước và quốc tế tác động đến phát triển của vùng		
a	Phân tích, đánh giá vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, xã hội của vùng	CG2	200
b	Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội; hiện trạng về tổ chức không gian kinh tế - xã hội; hiện trạng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn; hiện trạng phát triển các khu chức năng và các khu vực khác; hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật của vùng; hiện trạng bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học; hiện trạng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, bao gồm tài nguyên nước lưu vực sông; hiện trạng phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu trên lãnh thổ vùng		
b.1	Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế, các ngành kinh tế và cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển các ngành kinh tế có liên quan	CG2	200
b.2	Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển xã hội, các ngành văn hóa, xã hội và cơ sở hạ	CG2	200

	tăng phục vụ phát triển các ngành văn hóa, xã hội có liên quan		
b.3	Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn; hiện trạng phát triển các khu chức năng và các khu vực khác	CG2	200
b.4	Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng	CG2	200
b.5	Phân tích, đánh giá hiện trạng bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học; hiện trạng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên; hiện trạng phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu	CG2	200
b.6	Phân tích, đánh giá các vấn đề trọng tâm cần giải quyết trong quy hoạch vùng	CG2	250
b.7	Đánh giá sự phù hợp về bố trí không gian các vùng chức năng, cực tăng trưởng, các tuyến hạ tầng kỹ thuật liên tỉnh và công trình hạ tầng xã hội cấp vùng, các khu chức năng đặc thù	CG2	95
b.8	Sự phù hợp về quy mô phát triển các công trình quan trọng cấp vùng	CG2	95
b.9	Sự phù hợp về sức chứa lãnh thổ	CG2	95
b.10	Xác định những vấn đề nổi cộm và những hạn chế, tồn tại cần giải quyết	CG2	70
c	Phân tích, đánh giá hiện trạng liên kết nội vùng, liên kết vùng; các nguồn lực của vùng đã và đang được khai thác, các tiềm năng chưa được khai thác; các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn vùng		
c.1	Phân tích, đánh giá hiện trạng liên kết nội vùng, liên kết vùng	CG2	250
c.2	Phân tích, đánh giá các nguồn lực của vùng đã và đang được khai thác, các tiềm năng chưa được khai thác	CG2	350
c.3	Phân tích, đánh giá các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn vùng	CG2	200
d	Dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc	CG2	95

	tế tác động đến phát triển của vùng		
đ	Phân tích, đánh giá các yếu tố về bảo đảm quốc phòng, an ninh	CG2	70
e	Xác định vị thế, vai trò của vùng đối với quốc gia	CG2	200
3	Xây dựng kịch bản phát triển và lựa chọn kịch bản phát triển		
a	Xây dựng các kịch bản phát triển;		
a.1	Tổng hợp đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức (SWOT)	CG1	270
a.2	Phân tích các yếu tố tác động từ bên ngoài tác động đến lãnh thổ (về tự nhiên, môi trường, quan hệ kinh tế thương mại, đầu tư hạ tầng)	CG2	186
a.3	Phân tích, dự báo các yếu tố bối cảnh tác động quốc tế, quốc gia, các vùng lân cận đến phát triển vùng	CG2	210
a.4	Xây dựng các kịch bản phát triển	CG1	85
b	Phân tích, đánh giá ưu điểm, hạn chế, tính khả thi của từng kịch bản phát triển; lựa chọn kịch bản phát triển.	CG1	85
4	Xác định quan điểm, tầm nhìn và mục tiêu phát triển của vùng		
a	Xây dựng quan điểm về phát triển vùng		
a.1	Xây dựng quan điểm về tổ chức không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên lãnh thổ vùng trong thời kỳ quy hoạch	CG1	40
a.2	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm và cho tầm nhìn 30 năm	CG1	50
b	Xây dựng mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm.		
b.1	Đề xuất các mục tiêu về kinh tế gắn với tổ chức không gian phát triển vùng trong thời kỳ quy hoạch	CG1	70
b.2	Đề xuất các mục tiêu về xã hội gắn với tổ chức không gian phát triển vùng trong thời kỳ	CG1	70

	quy hoạch		
b.3	Đề xuất các mục tiêu về quốc phòng, an ninh gắn với tổ chức không gian phát triển vùng trong thời kỳ quy hoạch	CG1	70
b.4	Đề xuất các mục tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng gắn với tổ chức không gian phát triển vùng trong thời kỳ quy hoạch	CG1	70
b.5	Đề xuất các mục tiêu về sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường gắn với tổ chức không gian phát triển vùng trong thời kỳ quy hoạch	CG1	70
5	Xác định các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1	85
6	Phương hướng phát triển ngành có lợi thế của vùng		
a	Xác định ngành có lợi thế của vùng	CG1	133
b	Phương hướng phát triển và phân bố không gian phát triển ngành có lợi thế của vùng	CG2	212
7	Định hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của vùng; phương hướng phát triển vùng, liên tỉnh		
a	Định hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của vùng, bao gồm: xác định khu vực động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế của vùng; khu vực lãnh thổ cần bảo tồn; khu vực hạn chế phát triển	CG1	90
b	Phương hướng tổ chức liên kết không gian phát triển của vùng, cơ chế phối hợp tổ chức phát triển không gian liên tỉnh	CG2	97
8	Phương hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn		
a	Phương hướng phát triển hệ thống đô thị đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia; dự kiến hệ thống đô thị loại II trên địa bàn tỉnh	CG1	25
b	Phương hướng phát triển chính cho từng đô thị loại II	CG1	35
c	Phương hướng phát triển khu vực nông thôn	CG1	10
9	Phương hướng phát triển các khu chức năng		

a	Phương hướng phát triển hệ thống khu kinh tế	CG1	35
b	Phương hướng phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất	CG1	20
c	Phương hướng phát triển khu du lịch	CG1	35
d	Phương hướng phát triển khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung; khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao	CG1	35
đ	Phương hướng phát triển khu nghiên cứu, đào tạo; khu phức hợp y tế	CG1	35
e	Phương hướng phát triển khu thể dục thể thao	CG1	35
g	Phương hướng phát triển khu văn hóa có tính chất liên tỉnh và các khu chức năng khác theo quy định	CG1	35
h	Phương hướng phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung	CG1	35
10	Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật trên lãnh thổ vùng đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia	CG1	175
11	Phương hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật kết nối liên tỉnh, bao gồm: đường nối liên các trung tâm hành chính cấp tỉnh, đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của vùng; cảng biển phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội của vùng; đường sắt liên tỉnh; tuyến đường thủy nội địa liên tỉnh; hạ tầng viễn thông có phạm vi liên tỉnh; công trình thủy lợi, hệ thống cấp nước có phạm vi liên tỉnh và kết cấu hạ tầng kỹ thuật kết nối liên tỉnh khác	CG1	128
12	Phương hướng bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên; phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên lãnh thổ vùng		
a	Phương hướng bảo vệ môi trường của vùng, lưu vực sông liên tỉnh, khu vực ven biển liên	CG2	97

	tỉnh		
b	Phương hướng phát triển khu xử lý chất thải tập trung cấp vùng	CG2	163
c	Phương hướng xác lập khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên, các hành lang đa dạng sinh học liên tỉnh	CG2	97
d	Phương hướng phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất liên tỉnh	CG2	97
đ	Phương hướng phân vùng chức năng của nguồn nước; định hướng ưu tiên phân bổ trong trường hợp bình thường và hạn hán, thiếu nước; xác định yêu cầu chuyển nước giữa các lưu vực sông	CG2	90
e	Phương hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	CG2	90
13	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về cơ chế, chính sách đảm bảo liên kết vùng	CG1	78
b	Giải pháp về huy động vốn đầu tư	CG1	78
c	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1	78
d	Giải pháp về môi trường	CG1	50
đ	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	CG1	50
e	Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn	CG1	78
g	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch	CG1	78
h	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	50
12	Xây dựng hệ thống sơ đồ số và sơ đồ in		
a	Sơ đồ thành lập ở tỷ lệ 1:1.000.000		
	Sơ đồ vị trí và các mối quan hệ của vùng	CG2	70
b	Sơ đồ thành lập ở tỷ lệ 1:250.000 - 1:500.000 (tùy theo hình dạng và diện tích của vùng)		

b.1	Các sơ đồ về hiện trạng phát triển vùng	CG1	250
b.2	Sơ đồ phương hướng phát triển hệ thống đô thị	CG1	165
b.3	Sơ đồ phương hướng tổ chức không gian và phân vùng chức năng	CG1	187
b.4	Sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật	CG1	187
b.5	Sơ đồ phương hướng khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên	CG1	187
b.6	Sơ đồ phương hướng bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học	CG1	187
b.7	Sơ đồ phương hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	CG1	187
b.8	Sơ đồ chuyên đề (định mức 01 sơ đồ chuyên đề, nếu có)	CG1	187
13	Xây dựng báo cáo thuyết minh quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	400
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	140
14	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) vào báo cáo thuyết minh quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch thời kỳ trước	CG2	100
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng phát triển của quy hoạch	CG2	100
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	67
15	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng dữ liệu số của văn bản pháp lý	CG2	6
b	Xây dựng dữ liệu số của sơ đồ quy hoạch	CG1	15
c	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý quy hoạch	CG1	250